TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2019/HSST
Ngày 18/1/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG, TỈNH BẮC GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Phách

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Ngọc Biên

2. Bà Nguyễn Thị Tin

Những người tiến hành tố tụng khác tại phiên tòa:

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Linh Chi, cán bộ Toà án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Mai, chức vụ: Kiểm sát viên.

Hôm nay ngày 18/1/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 87/2018/HSST ngày 13 tháng 12 năm 2018 đối với các bị cáo:

-Trương Văn H, sinh năm 1994, tại thôn Đ, xã L, huyện Y, tỉnh B.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã L, huyện Y, tỉnh B.

Nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; con ông Chương Văn T và bà Tạ Thị O; vợ là Đặng Thị Thanh N (đã ly hôn) và 01 con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ ngày 14/8/2018, trả tự do ngày 20/8/2018, tạm giam ngày 12/10/2018 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

-Người bị hại: + Bà Chu Thị T1, sinh năm 1965

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã L, huyện Y, tỉnh B. (vắng mặt)

+Anh Đỗ Nguyên D, sinh năm 1988

Nơi cư trú: Thôn K, xã T, huyện Y, tỉnh B. (có mặt)

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: +Anh Vũ Đăng T, sinh tháng 11/2000

Quê quán: Thôn L 1, xã Q, huyện Q, tỉnh T.

Hiện đang cư trú: Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện Y, tỉnh B. (vắng mặt)

+Anh Hà Đình L, sinh năm 1990

Nơi cư trú: Tổ dân phố L, thị trấn T, huyện Y, tỉnh B. (vắng mặt)

+Ông Chương Văn T, sinh năm 1967

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã L, huyện Y, tỉnh B. (có mặt)

+Anh Hà Văn T, sinh năm 1973

Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh B. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong khoảng thời gian từ ngày 25/7/2018 đến ngày 28/9/2018 Trương Văn H đã thực hiện hành vi trộm cắp như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 20 giờ ngày 25/7/2018, H đi bộ một mình đến nhà bác dâu là bà Chu Thị T1 ở cạnh nhà H thì thấy nhà bà T khóa cửa, trong nhà để xe canh nhà ở của bà T có 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Lead, biển kiểm soát: 98B2 – 390.44. H đi đến vị trí chiếc xe mô tô, dùng chiếc chìa khóa xe mà H đã nhặt được trước đó mở thử khóa điện của xe thì thấy mở được nên H nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe này mang đi bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Do sợ mọi người phát hiện nên H không lấy ngay mà đi về nhà, đến khoảng 21 giờ cùng ngày, thấy mọi người trong nhà đã đi ngủ, H quay lại nhà bà T quan sát thấy không có ai nên đã đi đến vị trí để chiếc xe mô tô BKS 98B2 – 390.44, H dắt xe đi qua cổng nhà H rồi dùng chiếc chìa khóa nhặt được từ trước nổ máy, điều khiển xe đi đến cửa hàng cầm đồ H của anh Hà Đình L, sinh năm 1990 ở tổ dân phố L2, thị trấn T, huyện Y gặp người trông coi cửa hàng cho anh L là anh Vũ Đăng T, sinh tháng 11/2000 có hộ khẩu thường trú tại thôn L1, xã Q, huyện Q, tỉnh T B, hiện ở tại tổ dân phố T, thị trấn T, huyện Y đặt vấn đề cầm cố chiếc xe má trên. Do anh L không có ở cửa hàng nên anh H đã gọi điện thoại cho anh L đặt vấn đề cầm cố chiếc xe máy với giá 13.000.000 đồng, anh L nhận cầm cố chiếc xe máy cho H với giá 11.000.000 đồng và bảo T đưa số tiền này cho H. Sau đó, anh L bảo H ký nhận dưới mục "Người bán" trong mẫu "Giấy cam kết bán xe máy, ô tô" với tổng số tiền viết trên giấy là 13.000.000 đồng, toàn bộ số tiền cầm cố chiếc xe máy H đã chi tiêu cá nhân hết.

Sau khi phát hiện mất xe máy, ngày 26/7/2018 bà Chu Thị T1 đã làm đơn trình báo đến Công an huyện Yên Dũng. Ngày 14/8/2018, H đến Công an huyện Yên Dũng đầu thú, cùng ngày anh L giao nộp cho Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện Yên Dũng chiếc xe máy của bà T và 01 "Giấy cam kết bán xe máy, ô tô".

Ngày 15/8/2018, Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện Yên Dũng có yêu cầu định giá tài sản. Tại bản kết luận định giá tài sản số 50 ngày 15/8/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Yên Dũng kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Lead, biển kiểm soát 98B2 – 390.44 có giá trị là 29.055.000 đồng.

Ngày 14/9/2018, Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện Yên Dũng trưng cầu giám định chữ viết trong "Giấy cam kết bán xe máy, ô tô". Tại kết luận giám định số 1253/Kl- PC09 ngày 18/9/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận: "Chữ viết dưới mục "Bên bán" trên tài liệu cần giám định A so với chữ ký, chữ viết của Trương Văn H trên các tài liệu mẫu so sánh từ M1 đến M9 do cùng một người viết ra".

Vụ thứ hai: Khoảng 21 giờ ngày 28/9/2018, H cùng bạn là anh Bùi Công T, sinh năm 1987 ở khu T, phường H, thành phố B, tỉnh B ăn tối tại thành phố Bắc Giang. Trong khi ăn tối có anh Đỗ Nguyên D, sinh năm 1988 ở thôn K, xã T, huyện Y là bạn của anh T đến ăn tối cùng. Sau khi ăn tối xong, H mời T và D đến quán Karaoke "Thoáng Sài Gòn" ở thôn H, xã H, huyện Y để hát Karaoke. Khi hát tại quán, H biết anh D đi xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Airblade, biển kiểm sóa 98B2 – 551.56 nên H nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô của anh D mang đi bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, H hỏi mượn chìa khóa xe mô tô của anh D để H dồn điếu thuốc lá, sau khi sử dụng xong H để chìa khóa ở ghế để trả cho anh D. Đến khoảng 0 giờ 30 phút ngày 29/9/2018, quan sát thấy anh D chưa cầm chìa khóa cất đi và không có ai để ý nên H cầm chiếc chìa khóa xe mô tô đi ra ngoài mở khóa điện chiếc xe mô tô của anh D rồi điều khiển xe đi về. Trên đường đi, H kiểm tra trong cốp xe mô tô thì thấy 01 đăng ký xe mang tên Đỗ Nguyên N, 02 thẻ ATM, 01 giấy phép lái xe và 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Đỗ Nguyên D. Đến khoảng 13 giờ ngày 29/9/2018, H điều khiển xe mô tô đến cửa hàng cầm đồ của anh Hà Văn T, sinh năm 1973 ở Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh B đặt vấ đề bán chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98B2 – 551.56 cho aanh T. H đưa đăng ký xe mô tô xem và nói dối anh T tên của H là Đỗ Nguyên H, sinh năm 1994 ở xã T, huyện Y. Sau khi xem xe xong, anh T đồng ý mua chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98B2 – 551.56 với giá 23.000.000 đồng và bảo H viết, ký tên, điểm chỉ vào mẫu giấy "GIẤY CAM KẾT BÁN XE MÁY, Ô TÔ", toàn bộ số tiền này H đã chi tiêu cá nhân hết.

Sau khi phát hiện mất xe máy, anh D đã làm đơn trình báo đến Công an huyện Yên Dũng. Ngày 01/10/2018, biết H bán chiếc xe mô tô của mình tại nhà anh T nên anh D đã đến gặp anh T chuộc lại chiếc xe mô tô và đăng ký xe hết 23.000.000 đồng.

Ngày 03/10/2018, anh Hà Văn T giao nộp cho Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện Yên Dũng 01 "Giấy cam kết bán xe máy, ô tô".

Ngày 10/10/2018, Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện Yên Dũng có yêu cầu định giá tài sản. Tại bản kết luận định giá tài sản số 70 ngày 12/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Yên Dũng kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Airblade biển kiểm soát 98B2 – 551.56 có giá trị là 39.616.000 đồng.

Ngày 12/11/2018, Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện Yên Dũng ra quyết định trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết dấu vết đường vân dưới mục "NGƯỜI BÁN" trong "GIẤY CAM KẾT BÁN XE MÁY, Ô TÔ" do anh T giao nộp. Tại bản kết luận giám định số 1539/KL – KTHS ngày 13/11/2018, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận:

"1.Dấu vân tay ký hiệu số 1 tại mục "Người bán" trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) với dấu vân tay in ở ô ngón trỏ trái trên chỉ bản của Trương Văn H là của cùng một người.

-Dấu vân tay ký hiệu số 2 tại mục "Người bán" trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) so dấu vân tay in ở ô ngón trỏ phải trên chỉ bản của Trương Văn H của cùng một người".

2.Chữ ký (dạng chữ viết), chữ viết mang tên Đỗ Nguyên H trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A – trừ chữ ký, chữ viết mang tên Hà Văn T dưới mục "Người mua") so với chữ ký, chữ viết của Trương Văn H trên các tài liệu (ký hiệu từ M1 đến M6) là do cùng một người viết ra".

Qua trình điều tra xác định chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98B2 – 551.56 là của anh Đỗ Nguyên N, sinh năm 1986 là anh trai của anh D. Hiện nay anh N đang xuất khẩu lao động tại nước ngoài nên đã cho anh D chiếc xe để làm phương tiện đi lại.

Tại cơ quan điều tra Trương Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản cáo trạng số: 02/CT - VKSYD ngày 12/12/2018 của VKSND huyện Yên Dũng đã truy tố Trương Văn H về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng đề nghị HĐXX tuyên bố các bị cáo: Trương Văn H phạm tội "Trộm cắp tài sản". Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí tòa án. Xử phạt: Trương Văn H từ 33 tháng tù đến 36 tháng tù, thời gian tù tính từ ngày 12/10/2018 được khấu trừ thời gian tạm giữ. Miễn hình phạt phụ cho bị cáo. Buộc bị cáo phải bồi thường số tiền 23.000.000 đồng cho anh Đỗ Nguyên D.

Về vật chứng và án phí HSST và án phí DSST: Xử lý theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện đầy đủ chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa xác định:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi và quyết định của những người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, của nhân chứng và vật chứng thu giữ được đã có đủ cơ sở để kết luận: Vào hồi 21 giờ ngày 21/7/2018 và 0 giờ 30 phút ngày 29/9/2018, bị cáo Trương Văn H có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô của bà Chu Thị T1 trị giá 29.055.000 đồng và 01 xe mô tô của anh Đỗ Nguyên D trị giá 39.616.000 đồng. Như vậy, HĐXX đã có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Trương Văn H phạm tội "Trộm cắp tài sản", tội này được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất của vụ án thấy: Vụ án này có 01 bị cáo Trương Văn H có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội do lỗi cố ý.

[4]Hành vi phạm tội của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu của người khác về tài sản, do đó phải xử lý bằng pháp luật hình sự.

[5]Xét về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Nhưng trong một thời gian ngắn, bị cáo phạm tội liên tục, bị cáo trộm cắp tài sản của cả họ hàng và người quen của bạn bị cáo, chứng tỏ bị cáo là người bất chấp luân thường đạo lý, coi thường pháp luật. Do đó cần có một mức án nhất định bắt bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội và phòng ngừa chung cho loại tội này.

[6]Xét về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, sau khi phạm tội lần một bị cáo đầu thú và thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bố của bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho người người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà T có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, bởi vậy xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần khi lượng hình.

Về trách nhiệm dân sự: Cần buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Đỗ Nguyên D, các tài sản khác anh D không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Trong vụ án này còn có Hà Đình L, Vũ Đăng T, Hà Văn T là những người đã cầm cố tài sản cho H nhưng không biết các tài sản do H phạm tội mà có nên không đề cập xử lý.

Bị cáo phải chịu án phí HSST, DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Trương Văn H phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 48; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Điều 584; 585; 589 Bộ luật dân sự. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án.

Xử phạt: -Bị cáo Trương Văn H 30 tháng tù, thời gian tù tính từ ngày 12/10/2018 được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 14/8/2018 đến ngày 20/8/2018.

+Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Đỗ Nguyên D số tiền 23.000.000 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, nếu bị cáo không thi hành xong thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST và 1.150.000 đồng án phí DSST.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt án.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7ª, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Dũng;
- Chi Cục THADS huyện Yên Dũng;
- Lưu VP, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Phách